

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Minh Chiến

2/ Ông Võ Văn Ty

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1361/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 1400/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1438/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1973; Nơi ĐKKHKT: thôn T, xã A, thị xã A, tỉnh Bình Định; Địa chỉ: số nhà 95/18 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; Địa chỉ: thôn T, xã A, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tổ chức lễ cưới, chung sống từ năm 1993, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi cưới, vợ chồng sống ở thôn T, xã A, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do anh T không chung thủy, ăn chơi, không lo làm. Chị khuyên nhủ thì anh T đánh đập chị. Chị không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh T, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn.

Chị và anh T có 03 người con chung: Nguyễn Trần Thu T1, sinh ngày 07/8/1994; Nguyễn Trần Công T2, sinh ngày 20/6/1996 (02 con đã trưởng thành); Nguyễn Trần Bảo T3, sinh ngày 24/10/2009. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Trần Bảo T3, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày*: thống nhất lời trình bày của chị Trần Thị P về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh xác định nguyên nhân chị P yêu cầu ly hôn là do anh thất nghiệp, la cà quán sá, lúc tức giận có đánh chị P tát tai, làm chị P buồn phiền, chứ vợ chồng không có mâu thuẫn. Hiện tại anh và chị P đã mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, nhưng anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Về con chung: có 03 người: Nguyễn Trần Thu T1, sinh ngày 07/8/1994; Nguyễn Trần Công T2, sinh ngày 20/6/1996 (02 người con này đã trưởng thành); Nguyễn Trần Bảo T3, sinh ngày 24/10/2009. Nếu ly hôn, anh thống nhất giao cháu T3 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Anh không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T; giao cháu Nguyễn Trần Bảo T3, sinh ngày 24/10/2009 cho chị Trần Thị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về tài sản chung: chị P và anh T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; buộc chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn An, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị P và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, nên chị P yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn. Anh T cũng thừa nhận giữa anh và chị P đã mất ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nhưng không đồng ý ly hôn.

[4] Tòa án tổ chức nhiều phiên hòa giải để anh chị tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh T đã không đến tham gia. Điều này chứng minh lý do anh T không đồng ý ly hôn không phải vì anh còn tình cảm với chị P và mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T có đủ căn cứ để khẳng định mức độ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[5] Về con chung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T có 03 người: Nguyễn Trần Thu T1, sinh ngày 07/8/1994; Nguyễn Trần Công T2, sinh ngày 20/6/1996 (đều đã trưởng thành); Nguyễn Trần Bảo T3, sinh ngày 24/10/2009. Chị Trần Thị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Trần Bảo T3 sau khi ly hôn. Yêu cầu của chị P được anh T đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của cháu T3 muốn được ở với mẹ. Do đó, xét giao cháu Nguyễn Trần Bảo T3 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị P không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[7] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị P phải chịu 300.000đ.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P. Cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. *Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn:* Giao cháu Nguyễn Trần Bảo T3, sinh ngày 24/10/2009 cho chị Trần Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị P không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con, nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về quan hệ tài sản:* Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xét.

4. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Trần Thị P phải chịu 300.000(ba trăm nghìn) đồng. Chị Trần Thị P được trừ vào 300.000(ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005197 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5. *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm chị Trần Thị P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
 - VKSND thị xã An Nhơn;
 - Các đương sự;
 - Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
 - UBND xã Nhơn An
- (ĐKKH số 87 ngày 23/12/2002);
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Phượng